

NGUYỄN CÔNG THẢO*

MỘT SỐ THÁCH THỨC CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH NGHỆ AN

Tóm tắt: Du lịch cộng đồng là giải pháp hữu hiệu góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế, bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường, có ý nghĩa quan trọng ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay. Tuy nhiên, có nhiều thách thức cần phải vượt qua để phát huy hiệu quả của hoạt động kinh tế này. Từ góc nhìn ấy, bài viết tập trung phân tích, đánh giá về hoạt động du lịch cộng đồng của người Thái và người Hmông (Mông) ở hai xã vùng dân tộc thiểu số của tỉnh Nghệ An. Kết quả nghiên cứu cho thấy du lịch cộng đồng chỉ có thể vận hành hiệu quả nếu được đầu tư, xây dựng theo một lộ trình cụ thể; phù hợp với tài nguyên du lịch, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, mỗi điểm du lịch cũng cần phát huy tối đa bản sắc văn hóa trong việc xây dựng sản phẩm du lịch phù hợp; thu hút sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương.

Từ khóa: Du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, dân tộc thiểu số, tỉnh Nghệ An

Mở đầu

Tại Việt Nam hiện nay, mô hình Du lịch cộng đồng (DLCĐ) đã và đang phát triển mạnh ở nhiều vùng miền, nhất là vùng dân tộc thiểu số (DTTS), đem lại hiệu quả kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng. Chính vì thế, DLCĐ được Đảng và Nhà nước xác định là hướng phát triển ưu tiên. Điều đó thể hiện qua nhiều chủ trương, chính sách, chương trình cụ thể. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị đã xác định cần phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Trên cơ sở của đó, Luật Du lịch 2017 đã được ban hành và tại mục 15, Điều 3, Chương 1 có định nghĩa rõ về DLCĐ với tinh thần thừa nhận vai trò quan trọng của cộng đồng địa phương. Ở phương diện chuyên ngành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch đã phê duyệt “Đề án Phát triển du lịch cộng đồng tại Việt Nam” qua Quyết định số 3222/QĐ-BVHTTDL ban hành vào tháng 10/2024. Đề án này đặt ra ba mục tiêu tổng quát bao gồm: phát triển DLCĐ thành một sản phẩm hoàn chỉnh, chủ đạo trong hệ thống sản phẩm của du lịch Việt Nam; phát triển sản phẩm, dịch vụ DLCĐ gắn liền với hoạt động phát triển các ngành công nghiệp văn hóa; gắn phát triển DLCĐ với xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống người dân, đặc biệt là vùng đồng bào DTTS và miền núi.

* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: nguyencongthao1977@gmail.com.

Ngày nhận bài: 7/7/2025; ngày phản biện: 15/7/2025; ngày duyệt đăng: 7/9/2025.

Bài viết này là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ (2025 - 2026): “Khai thác các nguồn lực trong phát triển du lịch cộng đồng vùng dân tộc thiểu số tỉnh Nghệ An” do TS. Phạm Thị Cẩm Vân làm Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học và Tôn giáo học chủ trì.

Tuy nhiên, tính hiệu quả, bền vững của hoạt động DLCĐ vẫn còn hạn chế ở nhiều địa phương. Hoạt động này vẫn mang tính tự phát, chưa chuyên nghiệp, thiếu chiến lược dài hạn và hiệu quả kinh tế chưa cao (Nguyễn Thị Lan Hương, 2016; Nguyễn Công Thảo, 2022). Ở nhiều nơi, sản phẩm DLCĐ còn thấp so với yêu cầu (Phạm Hồng Long and Nguyễn Thị Thanh Kieu, 2019). Không phải bất cứ làng nghề nào cũng có thể phát triển DLCĐ bởi nó còn phụ thuộc vào đặc trưng nghề, mức độ phát triển của từng cộng đồng và điều kiện của địa phương (Phạm Thị Cẩm Vân, 2023). Nhiều bản sắc văn hóa ở vùng DTTS chưa được khai thác hiệu quả thành sản phẩm du lịch như trường hợp ở miền Tây tỉnh Nghệ An (Trần Thị Thủy, 2015). Chính vì thế, hoạt động này chưa khuyến khích được cộng đồng tích cực tham gia. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này bao gồm: thiếu đầu tư toàn diện, sản phẩm du lịch còn giản đơn, hạ tầng cơ sở du lịch còn thiếu, thiếu kiến thức kinh doanh du lịch, các hoạt động quảng cáo chưa phát triển, thiếu liên kết, hợp tác giữa người dân với chính quyền địa phương, doanh nghiệp; thiếu sự chia sẻ lợi ích đối với các thành viên trong cộng đồng (Nguyễn Công Thảo, 2022; Vũ Tuấn Anh, Phạm Bích Ngọc, 2022).

Những phân tích trong bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu thực địa tại hai xã Mường Lống và Mỹ Lý của huyện Kỳ Sơn¹, tỉnh Nghệ An trong tháng 5 và tháng 6/2025. Qua việc phân tích, đánh giá về hoạt động DLCĐ của người Thái và người Hmông (Mông) ở hai xã này, bài viết tập trung thảo luận một số thách thức đang đặt ra với hoạt động DLCĐ tại điểm nghiên cứu. Quan điểm lý thuyết của bài viết cho rằng DLCĐ chỉ có thể vận hành hiệu quả nếu được đầu tư, xây dựng theo một lộ trình cụ thể; phù hợp với tài nguyên du lịch, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, mỗi điểm du lịch cũng cần phải phát huy tối đa bản sắc văn hóa trong việc xây dựng sản phẩm du lịch phù hợp, đồng thời thu hút sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương trong việc phát triển sản phẩm du lịch, thay vì chỉ gắn với những hộ kinh doanh homestay.

1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Kỳ Sơn là một huyện có tổng diện tích tự nhiên đứng thứ hai của tỉnh Nghệ An². Toàn huyện có 20 xã, 01 thị trấn, trong đó có 11 xã biên giới với tổng chiều dài gần 200km đường biên giới với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Phần lớn địa hình của huyện là đồi, núi với nhiều đỉnh núi cao trên 2000m so với mực nước biển. Trong tổng số hơn 2.000km² tổng diện tích tự nhiên của huyện, đất lâm nghiệp chiếm khoảng 95%. Có sự phân mùa khá rõ rệt trong đó mùa mưa kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Ba DTTS chính trên địa bàn huyện là Thái, Hmông và Khơ-mú chiếm khoảng 95% dân số toàn huyện. Hoạt động sinh kế chính của các DTTS trên địa bàn huyện vẫn là sản xuất nông - lâm nghiệp. Trong vòng 10 năm trở lại đây, di cư lao động đang trở thành xu thế phổ

¹ Bài viết được hoàn thành dựa trên cơ sở dữ liệu trước ngày 01/7/2025, thời điểm thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 14/4/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội. Chính vì thế, tác giả vẫn sử dụng tên gọi hành chính trước thời điểm sắp xếp các đơn vị hành chính nêu trên.

² Đứng sau huyện Tương Dương, huyện có diện tích lớn nhất cả nước với 2.807km²

biên, giống như ở nhiều địa phương khác trong cả nước. Nhờ có cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn nên hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa khá phát triển với tổng kim ngạch đạt gần 50 triệu USD trong năm 2024.

Trong hai xã khảo sát, xã Mỹ Lý có tổng diện tích 27.000ha nằm trên địa hình núi cao, ở vị trí thượng nguồn của lòng hồ thủy điện Bản Vẽ, dọc theo sông Nậm Non (phụ lưu của sông Lam), cách trung tâm huyện Kỳ Sơn khoảng 35km. Đây là xã có đường biên giới với Lào dài nhất của tỉnh Nghệ An với tổng chiều dài gần 44km. Đất lâm nghiệp chiếm khoảng 93% tổng diện tích tự nhiên toàn xã (khoảng 27.000 ha). Tính đến cuối năm 2024, xã có 12 bản với dân số 5.513 người của 1.259 hộ với ba DTTS chính là Thái, Hmông và Khơ-mú. Ba tộc người này chiếm 90% dân số toàn xã. Trong 12 bản, có tám bản người Thái, ba bản người Hmông (Nhọt Lọt, Phà Chiếng, Piêng Vai) và một bản Khơ-mú (Huồi Pún). Tỷ lệ nghèo năm 2024 của xã vẫn khá cao với 45,1%. Trong khi đó, xã Mường Lống cách thị trấn huyện Kỳ Sơn khoảng 50km về phía Đông Bắc với địa hình thấp dần từ Tây sang Đông; có 40 km đường biên giới với Lào. Nhờ ở vị trí có độ cao trung bình khoảng 900m so với mực nước biển nên khí hậu trên địa bàn xã khá mát vào mùa hè và được coi là “Sapa của miền Trung”. So với Mỹ Lý, diện tích tự nhiên của Mường Lống nhỏ hơn với khoảng 14.000ha. Tính đến tháng 5/2025, xã có 1.019 hộ với 5.524 nhân khẩu, cư trú ở 13 bản với 99% là người Hmông. Tỷ lệ nghèo năm 2024 của xã là 44,1%.

Sự khác biệt nổi bật giữa hai xã trên không chỉ ở địa hình, khí hậu (Mường Lống nằm ở vị trí cao và khí hậu mát mẻ hơn so với Mỹ Lý) hay tộc người (một xã tuyệt đại đa số là người Hmông; một xã đa số là người Thái) mà còn ở cơ cấu cây trồng. Tại xã Mỹ Lý, bên cạnh lúa rẫy là cây trồng có diện tích lớn với 384ha (trong khi chỉ có khoảng 46ha lúa nước), còn có ngô (112ha), rau (80ha). Bên cạnh đó, bò là gia súc phổ biến với khoảng 3.800 con, tính trung bình mỗi hộ nuôi khoảng ba con nhưng tỷ lệ này cao hơn ở người Thái (tại bản Yên Hòa 95 hộ dân đang nuôi tổng số 552 con bò, gần 700 con lợn). Trong khi đó, ngô là cây trồng chính ở xã Mường Lống và có xu thế tăng trong những năm gần đây (119ha vào năm 2024). Tương tự, diện tích đất trồng cỏ voi, cỏ Nhật Bản và mận cũng phát triển khá nhanh (không có số lượng thống kê); diện tích lúa rẫy có khuynh hướng giảm (144ha vào năm 2024). Trong khi giống lợn đen, gà đen bản địa vẫn được người Hmông lưu giữ, trâu, bò giống thường được nhập về từ Lào. Trong chăn nuôi, có một số điểm đáng chú ý. *Thứ nhất*, hầu hết người Hmông không sử dụng cám tăng trọng trong chăn nuôi. *Thứ hai*, chuồng trại gia súc, gia cầm được dựng trên nương, cách xa nhà ở (đây là điểm tích cực đối với hoạt động du lịch bởi nó giúp đảm bảo chất lượng vệ sinh môi trường trong bản). *Thứ ba*, hầu hết người Hmông nuôi bò đực lấy thịt. Họ thường mua bò đực tương đối trưởng thành từ Lào, nuôi từ tháng 5 và bán vào dịp cuối năm (khi gần Tết, nhóm di cư lao động trở về, nhu cầu tiêu thụ tăng cao, bán được giá). *Thứ tư*, đàn ngựa tại xã giảm nhanh chóng trong những năm gần đây, chỉ còn 24 con vào cuối năm 2024. So với Mỹ Lý, đàn gia súc ở Mường Lống đa dạng hơn với khoảng 3500 trâu, bò; 437 con dê và 610 con lợn³.

³ Những số liệu thống kê trong bài viết này do Ủy ban nhân dân hai xã cung cấp trong các cuộc họp với đoàn công tác.

Nhu cầu từ thị trường có ảnh hưởng lớn đến sự gia tăng của diện tích ngô hay đàn bò. Bên cạnh đó, sự chuyển dịch về diện tích cây trồng trên cũng một phần bị ảnh hưởng bởi xu thế đi làm ăn xa của hầu hết nhóm thanh niên, trung niên trong cả hai xã. Chỉ riêng bản Yên Hòa của xã Mỹ Lý đã có 58 người di cư lao động (12 người xuất khẩu lao động; 48 người di cư vào các tỉnh phía Nam). Nhờ thu nhập từ đi làm ăn xa, nhiều hộ gia đình người Hmông ở Mường Lống hay người Thái ở Mỹ Lý đã đầu tư mua bò, lợn để nuôi ở trang trại trên nương. Do hầu hết diện tích rừng ở hai xã là rừng phòng hộ, việc chăn thả gia súc không được phép, người dân đã tăng diện tích trồng ngô, cỏ để đảm bảo thức ăn cho gia súc của mình.

Tính đến tháng 5/2025, hệ thống đường giao thông nội xã, nội bản vẫn chưa đồng bộ và khó đi lại trong mùa mưa ở cả hai xã. Sự phân bố dân cư theo tộc người ở các bản vẫn phổ biến. Dù được xác định là điểm du lịch trọng điểm nhưng đường giao thông từ quốc lộ 7A vẫn còn nhiều đoạn xuống cấp, gây khó khăn cho việc đi lại trong mùa mưa. Trong khi kiến trúc nhà sàn vẫn được hầu hết người Thái lưu giữ ở Mỹ Lý thì tại xã Mường Lống, các ngôi nhà truyền thống của người Hmông hầu như không còn bởi nhà cửa hiện nay đã bị thay đổi đáng kể về cấu trúc, vật liệu. Tương tự như vậy, trang phục truyền thống cũng chỉ được mặc trong các dịp lễ, hội hay ở nhóm nữ giới cao tuổi.

2. Hoạt động du lịch cộng đồng ở điểm nghiên cứu

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành một số chính sách xác định du lịch là một trong những hướng phát triển kinh tế mũi nhọn của địa phương, trong đó có Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 về hỗ trợ phát triển DLCĐ Nghệ An giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở đó, vào tháng 5/2021, Huyện ủy huyện Kỳ Sơn đã ban hành Quyết định số 217/QĐ-HU phê duyệt đề án “*Xây dựng và phát triển du lịch huyện Kỳ Sơn giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn 2030*”. Thực hiện Nghị quyết số 07, huyện Kỳ Sơn đã hỗ trợ cho sáu hộ gia đình và hai bản (bản Yên Hòa, xã Mỹ Lý và bản Mường Lống 1, xã Mường Lống) kinh phí phát triển DLCĐ với tổng kinh phí là 710 triệu đồng để tu sửa nhà cửa, mua sắm chăn, màn, đệm và các vật dụng cần thiết khác, đi thăm quan các mô hình DLCĐ đã phát triển trong tỉnh, ở hai tỉnh Hòa Bình và Sơn La.

Chính quyền huyện Kỳ Sơn xác định phát triển các mặt hàng đặc trưng của huyện, xây dựng thương hiệu OCOP cho các sản phẩm nhằm góp phần thu hút khách du lịch như: Bò Dàng, Thỏ cẩm, Gà Đen, Gừng, Chè Tuyết Shan. Kỳ Sơn có nhiều tiềm năng để phát triển loại hình du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm nhờ đặc điểm địa hình, hệ thống sông, suối. Trên địa bàn huyện có dãy núi Pu Xai Lai Leng có độ cao 2.720m, cao nhất cả hệ dãy núi Trường Sơn. Ngoài ra, còn có các đỉnh núi cao khác như Pu Soong (2.365m), Pu Tông (2.345m), Pu Long (2.176m). Bên cạnh đó, hệ thống sông, suối ở Kỳ Sơn cũng khá dày đặc với sông Cả và hai nhánh phụ là Nậm Nơn và Nậm Mộ (có tổng chiều dài khoảng 125km) với hàng trăm khe suối lớn nhỏ khác như Ca Nhãn, Huổi Giảng, Huổi Pà, Khe Chảo, Khe Nần. Bên cạnh đó, ba tộc người Thái, Hmông, Khơ-mú có lịch sử cư trú lâu đời và có những nét văn hóa riêng so với người đồng tộc ở các địa phương khác. Trên cơ sở đó, các điểm du lịch trọng tuyến/điểm được xác định, bao gồm:

Điểm du lịch tại xã Na Ngoi nơi có đỉnh núi Pu Xai Lai Leng cao nhất vùng Bắc Trung Bộ, phù hợp với khách du lịch ưa thích khám phá và thích mạo hiểm.

Tuyến du lịch Mường Xén - Mường Lống - Mỹ Lý với các điểm thăm quan chính bao gồm: vườn mận Tam hoa, vườn đào, vườn dâu tây, vườn sâm bẫy lá một hoa ở cả ba xã; cổng trời Mường Lống, hang Tù, hang doi tại xã Mường Lống; hang Thảm Đan, tháp cổ Xốp Lọt ở bản Yên Hòa, du thuyền trên sông Nậm Non và tham quan lòng hồ thủy điện bản Vẽ tại xã Mỹ Lý.

Tuyến du lịch Hữu Kiệm - Tà Cạ - Nậm Cắn với các điểm thăm quan bao gồm: Đền Pu Nhạ Thầu ở bản Na Lượng, xã Hữu Kiệm; đền Cây Đa ở bản Cánh, thủy điện Nậm Mô, xã Tà Cạ; thác Noọng Dẻ, chợ Biên giới xã Nậm Cắn.

Bên cạnh đó, 16 Câu lạc bộ nghệ thuật đã được thành lập mang đậm bản sắc văn hóa của các dân tộc Thái, Hmông, Khơ-mú như: Khắc luống - cồng chiêng - nhảy sạp (xã Hữu Lập, Phà Đánh); Câu lạc bộ văn nghệ dân tộc Hmông (xã Tây Sơn, Mường Lống), dân ca dân tộc Thái (xã Mỹ Lý); Câu lạc bộ bảo tồn văn hóa dân tộc Khơ-mú bản Huồi Thợ, xã Hữu Kiệm. Chính quyền cũng quan tâm bảo tồn các di tích lịch sử, hoàn thành hồ sơ xếp hạng di tích cấp tỉnh và tiến hành tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật tháp Xốp Lọt, bản Yên Hòa - xã Mỹ Lý; khuyến khích hồi sinh nghề truyền thống như: dệt thổ cẩm, thêu ren Pà Tâu, nghề rèn dao, đan lát; công nhận 10 làng nghề truyền thống; phục dựng các vườn đào, mận tại xã Mường Lống; hướng dẫn người dân trồng mận theo hướng an toàn, hữu cơ; huy động các nhà tài trợ trồng gần 1.000 cây anh đào trên các trục đường tại xã Mường Ải, Mường Típ, Mường Lống. Số khách du lịch hàng năm giai đoạn 2020-2024 là khoảng 11.700 lượt khách, doanh thu ước tính từ 2020 - 2024 là 10,5 tỉ đồng, mới đạt 35% kế hoạch mà huyện đề ra. Điều đáng chú ý là phần lớn khách du lịch đến Kỳ Sơn là người trong tỉnh theo ước tính của cán bộ huyện.

Về lý thuyết, hoạt động DLCĐ ở xã Mỹ Lý chính thức phát triển từ năm 2021 khi được Ủy ban nhân dân huyện quyết định hỗ trợ người dân ở đây đầu tư một số dịch vụ phục vụ khách du lịch. Tuy nhiên, hoạt động thực chất chỉ bắt đầu từ cuối năm 2022. Tính đến cuối tháng 5/2025, hoạt động DLCĐ của xã Mỹ Lý được tập trung đầu tư ở bản Yên Hòa với ba nhà nghỉ cộng đồng (homestay) của người Thái. Các homestay này được xây dựng, sửa, bổ sung một số trang thiết bị (chăn, ga, gối, đệm, giường, quạt, bóng đèn, nhà vệ sinh) từ năm 2021. Do nằm ở vùng thấp, nắng nóng vào mùa hè nên lượng khách du lịch chủ yếu tập trung vào những tháng gần Tết, khi nhiệt độ mát mẻ. Sản phẩm du lịch chính mà du khách có thể trải nghiệm ở đây bao gồm: Thường thức ẩm thực, văn nghệ của người Thái; thăm quan bản; thăm quan hang Thảm Đan, tháp cổ Xốp Lọt ở bản Yên Hòa, lòng hồ thủy điện bản Vẽ; quan sát hoạt động dệt thổ cẩm, tắm tại khe Nước Mọc (mát vào mùa hè, ấm vào mùa đông), đi xuồng trên sông Nậm Non.

Mặc dù có nhiều tiềm năng nhưng lượng khách du lịch đến tham quan xã vẫn còn thấp. Theo số liệu của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lý, năm 2024 có 34 đoàn du khách với hơn 400 người đến thăm quan bản Yên Hòa. Đáng lưu ý chỉ có 50 khách lưu trú qua đêm; tuyệt đại đa số là khách nội địa; hầu hết các đoàn chỉ dừng chân ở Yên Hòa để ăn trưa, nghỉ ngơi 1- 2 giờ rồi tiếp tục di chuyển. Từ 2024 trở lại đây, việc trình diễn các điệu múa, hát của người Thái được nhiều

đoàn du khách yêu cầu hơn. Nhìn chung, do mới đi vào hoạt động thời gian ngắn (chủ yếu từ 2023, trước đó bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19), lượng khách du lịch đến xã Mỹ Lý nói chung, bản Yên Hòa nói riêng còn ít, chủ yếu coi đây như điểm dừng chân để ăn uống.

Trong khi đó, tại xã Mường Lống, hoạt động DLCĐ phát triển rõ rệt từ cuối năm 2022. Tính đến cuối tháng 5/2025, đã có sáu cơ sở cung cấp dịch vụ homestay đang hoạt động, trong đó có bốn homestay chủ là người Hmông; một homestay có chủ là người Thổ lấy chồng là người Thái và khu du lịch Eco Garden của doanh nghiệp người Kinh⁴. Bên cạnh đó, cũng có một số hộ chuyên phục vụ dịch vụ ăn uống cho các đoàn du lịch. Trong vòng ba năm trở lại đây, chính quyền huyện và xã tuyên truyền, khuyến khích người dân phục hồi một số nghề truyền thống để phục vụ nhu cầu tham quan, mua hàng lưu niệm của khách du lịch như: dệt thổ cẩm, thêu ren Pà Tâu, nghề rèn dao, đan lát. Một số hộ dân cũng được hỗ trợ kinh phí để phục dựng các vườn đào, mận làm điểm chụp ảnh, trải nghiệm hái mận, đào cho du khách. Tiềm năng để phát triển du lịch của xã bao gồm: 1) Thăm quan các điểm Cổng Trời, hang Tù, hang Dơi, Thác Ròng, Núi Pháp; 2) Thăm quan, trải nghiệm tại các vườn đào, mận, vườn dược liệu; 3) Săn mây, chụp ảnh vào buổi sáng; 4) Thăm quan bản; 5) Đi bộ, leo núi, thăm quan trang trại chăn nuôi trên rẫy.

Theo báo cáo của chính quyền xã, trong năm 2024 xã Mường Lống đón 40 du khách quốc tế, 503 khách trong nước với 101 lượt lưu trú qua đêm. Con số này của 5 tháng đầu năm 2025 là 21 khách quốc tế, 632 khách trong nước và 112 lượt lưu trú qua đêm. Thời gian đón tiếp khách chính là mùa hè, vào dịp cuối tuần. Sự gia tăng đột biến lượng khách trong 5 tháng đầu năm 2025 là dịp nghỉ lễ dài ngày đợt 30/4 và 1/5. Nhìn chung, hoạt động DLCĐ tại hai xã mới chỉ ở mức khởi đầu, tính chuyên nghiệp chưa định hình, lượng khách còn ít và chủ yếu đến từ trong tỉnh, thu nhập mà các chủ homestay cũng như các nhóm tham gia khác chưa thường xuyên, chưa trở thành nguồn thu chính của gia đình.

3. Những thảo luận chính

3.1. Chính sách hỗ trợ chưa toàn diện, đầy đủ

Rõ ràng, một trong những mục tiêu quan trọng nhất của DLCĐ là tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, như nhiều nghiên cứu đã chỉ ra, hoạt động này không lấy kinh tế làm mục tiêu duy nhất mà còn hướng tới mục tiêu bảo tồn văn hóa (Nguyễn Văn Tân, 2023), bảo vệ được môi trường tự nhiên (Trần Thị Mai, 2005), hay tăng cường mạng lưới xã hội (Ashley, 2006). Chỉ khi nào các giá trị kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường gắn kết với nhau, hoạt động DLCĐ mới phát triển hiệu quả và bền vững (Phạm Hong Long, Nguyen Thi Thanh Kieu, 2019). Để đạt được những mục tiêu trên, bên cạnh hỗ trợ vật chất, tài chính nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch cần thiết, việc phục hồi, cung cấp nguyên liệu, tạo không gian trình diễn cho bản sắc văn hóa tộc người là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu thực địa ở Kỳ Sơn nói chung, ở hai xã Mỹ Lý và Mường Lống nói riêng cho

⁴ Đây là khu nghỉ dưỡng cung cấp các loại hình lưu trú đa dạng, bao gồm nhà sàn tập thể, phòng riêng và bungalow. Chủ đầu tư là một doanh nhân người Kinh đến từ Nghệ An.

thấy chính quyền địa phương chưa quan tâm đầy đủ tới khía cạnh con người, văn hóa, xã hội của hoạt động DLCĐ. Điều đó thể hiện qua một số điểm sau:

Hoạt động hỗ trợ của chính quyền thiên về hỗ trợ một phần chi phí đầu tư vật chất. Luật Du lịch xác định rõ DLCĐ là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng. Tuy nhiên, mục tiêu này chưa đạt được ở điểm nghiên cứu. Tại xã Mỹ Lý và Mường Lống, ba hộ đăng ký cải tạo nhà ở, mua sắm chăn, đệm, màn để mở dịch vụ homestay trong năm 2021 đã được huyện hỗ trợ 100 triệu đồng. Tương tự, nhóm dệt cũng nhận được hỗ trợ sợi, chỉ dệt với giá trị ước tính khoảng 30 triệu đồng/năm; các đội văn nghệ cũng được hỗ trợ 30 triệu đồng/năm để mua trang phục biểu diễn. Bên cạnh đó, các hộ kinh doanh homestay cũng được chính quyền huyện cho đi thăm quan, học hỏi kinh nghiệm từ một số điểm đã phát triển loại hình dịch vụ này như Bản Lác (Mai Châu, Hòa Bình), Mộc Châu (Sơn La). Tuy nhiên, cơ sở vật chất mới chỉ là điều kiện cần bởi tri thức về văn hóa tộc người, năng lực diễn giải, giới thiệu về những bản sắc đó đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tương tác với khách du lịch. Kết quả nghiên cứu thực địa cho thấy các chủ nhà nghỉ homestay, thành viên các nhóm dệt, văn nghệ chưa hiểu biết đầy đủ về các đặc trưng văn hóa truyền thống của mình. Họ chưa được trang bị những kiến thức cơ bản về lịch sử tộc người, những đặc trưng văn hóa tộc người. Đội văn nghệ của bản Yên Hòa, chỉ có bốn trong tổng số tám thành viên có thể hát được bài hát truyền thống của người Thái. Chính vì thế, đa phần các tiết mục của họ phải thể hiện bằng bài hát tiếng Việt như quan sát từ trải nghiệm trực tiếp của tác giả. Tương tự như vậy, hai chủ homestay ở bản Mường Lống 1, xã Mường Lống cũng không am hiểu các hoa văn thổ cẩm; biểu tượng mà họ trang trí trên ngôi nhà của mình. Hầu hết những người được phỏng vấn đều không hiểu đầy đủ về nguồn gốc, lịch sử hay ý nghĩa văn hóa của các danh lam thắng cảnh trên địa bàn xã.

Thực tế trên dẫn đến hiện trạng nhiều bản sắc văn hóa của người Thái cũng như người Hmông ở hai xã Mỹ Lý và Mường Lống chưa được khai thác hiệu quả thành sản phẩm du lịch mà ví dụ điển hình là lễ hội trâu trận của người Hmông ở xã Mường Lống. Đây là hạn chế được ghi nhận tại nhiều bản làng làm du lịch khác ở miền Tây tỉnh Nghệ An như có nghiên cứu đã chỉ ra (Trần Thị Thủy, 2015). Chính vì thế, trước khi triển khai các hành động cụ thể hỗ trợ hoạt động DLCĐ ở hai xã trên nói riêng, vùng DTTS nói chung, việc tiên quyết cần thực hiện là đánh giá, xác định những bản sắc văn hóa tộc người nào còn lưu giữ đầy đủ và cần phục hồi những bản sắc nào.

Hoạt động hỗ trợ chưa trang bị cho người dân đầy đủ kiến thức kinh doanh cần thiết để vận hành hoạt động DLCĐ một cách hiệu quả. DLCĐ là một hoạt động kinh doanh đặc biệt. Ngoài tri thức về bản sắc văn hóa, đặc điểm môi trường tự nhiên của địa phương, người dân cũng cần được trang bị những kiến thức căn bản để thu hút khách du lịch đến nghỉ tại nhà mình, sử dụng tối đa các dịch vụ có sẵn, lưu trú qua đêm và gián tiếp quảng bá về dịch vụ của mình cho khách du lịch tương lai. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu thực địa cho thấy các hộ kinh doanh homestay, ẩm thực, dệt thổ cẩm ở hai xã Mỹ Lý và Mường Lống chưa nắm bắt rõ được các kỹ năng này. Cả người Thái và người Hmông ở hai xã chưa được trang bị những

kiến thức liên quan đến xây dựng thương hiệu, cách quảng bá về dịch vụ của mình trên các nền tảng số (Facebook, Youtube, Zalo, Website); xây dựng mối quan hệ hợp tác với các điểm du lịch trong huyện, tỉnh; thương mại hóa các sản phẩm văn hóa tộc người; kỹ năng hướng dẫn, giới thiệu về các điểm tham quan tại địa phương; ghi chép đầy đủ số lượng khách. Điều đó lý giải ngoài trừ homestay Mường Lống village, khách đến nghỉ tại homestay ở hai xã chủ yếu qua tự tìm kiếm hoặc qua giới thiệu cá nhân; chủ yếu chỉ sử dụng dịch vụ ăn uống; lưu trú không quá một đêm; chủ homestay không có quầy trưng bày bán sản phẩm địa phương như thổ cẩm, đồ đan lát. Thêm vào đó, từ quan sát cá nhân của tác giả, việc tương tác giữa khách và chủ nhà hết sức hạn chế; chủ homestay chưa chủ động giới thiệu cho khách về các điểm tham quan trong vùng. Khác biệt rõ nét được ghi nhận ở homestay Mường Lống village vốn sở hữu bởi một cặp vợ chồng trẻ (vợ là người Thổ, chồng là người Thái) ở thị trấn Kỳ Sơn, nhập cư vào xã Mường Lống từ năm 2021. Dù đi vào hoạt động chính thức sau các homestay khác trong xã hai năm nhưng lượng khách du lịch đến homestay này được đánh giá là nhiều hơn lượng khách của tất cả các homestay khác cộng lại. Thực tế này một phần xuất phát từ việc chủ homestay đã tích cực đăng bài, ảnh giới thiệu về homestay của mình trên các nền tảng số; liên kết với khu du lịch sinh thái Eco Garden để giới thiệu khách; thiết lập mạng lưới hợp tác với các điểm du lịch khác trong và ngoài tỉnh.

3.2. Chưa chú trọng đầu tư “kỹ năng mềm”

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra việc đầu tư cơ sở hạ tầng như đường giao thông, điện, nước, internet, nhà nghỉ, dịch vụ vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng là hết sức quan trọng (Giampiccoli và cộng sự, 2017). Tuy nhiên, đây không phải là điều kiện tiên quyết. Nhóm khách lựa chọn loại hình DLCĐ thường không có đòi hỏi cao đối với điều kiện vật chất và họ thường muốn trải nghiệm, hòa mình vào tính nguyên sơ, bản địa, bản sắc riêng của điểm du lịch (Vũ Tuấn Anh, Phạm Bích Ngọc, 2022). Chính vì thế, việc đầu tư xây dựng nhà vệ sinh khép kín, bình nóng lạnh, internet là rất cần thiết nhưng việc trang bị những “kỹ năng mềm” như tri thức (bản sắc văn hóa tộc người, môi trường tự nhiên), kỹ năng marketing, bán hàng, quảng cáo, cho người dân luôn quan trọng hơn. Điều đó giúp các hộ kinh doanh DLCĐ có thể đóng vai trò chủ động, đồng thời cung cấp nhiều dịch vụ khác nhau (ăn, ở, tìm hiểu các thực hành văn hóa, thăm quan thắng cảnh) cho du khách. Họ cũng cần hiểu rõ các thế mạnh, nguồn lực, sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương và được trang bị đủ kiến thức, phương tiện để khai thác, sử dụng các nguồn lực ấy trong hoạt động kinh doanh du lịch của mình.

Kết quả nghiên cứu tại hai xã Mỹ Lý và Mường Lống cho thấy việc đầu tư vào “kỹ năng mềm” chưa được quan tâm đầy đủ. Trong số năm homestay đăng ký hoạt động ở xã Mường Lống, có một homestay được xây dựng với kiến trúc kết hợp giữa nhà sàn Thái và ngôi nhà Hmông truyền thống (thông qua việc sử dụng mái ngói); hai homestay khác sử dụng khung kiểu nhà Hmông nhưng lại sắp xếp ngủ đệm trên sàn nhà như người Thái; hai homestay còn lại sử dụng hoàn toàn kiến trúc nhà sàn của người Thái. Diện tích đất hạn chế là nguyên nhân dẫn đến lựa chọn này như giải thích của các hộ dân. Tuy nhiên, việc vay mượn bản sắc văn hóa của người Thái trong không gian bản người Hmông làm mất đi ý nghĩa của DLCĐ. Du

khách chắc chắn sẽ cảm thấy thú vị hơn khi được ở trong ngôi nhà truyền thống của người Hmông (dù có cải biến ít nhiều). Đây là minh chứng tiêu biểu cho sự thiếu sâu sát của chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ người dân khởi nghiệp. Một ví dụ khác cũng minh chứng cho việc tâm lý tộc người chưa được đánh giá trong giai đoạn chuẩn bị xây dựng homestay. Phụ nữ người Hmông tự cảm thấy mình lệ thuộc chồng; rất ngại tiếp xúc với người lạ, nhất là nam giới và chính người chồng cũng không muốn vợ giao tiếp xã hội với người lạ một mình. Đây là chuẩn mực xã hội phổ biến ở người Hmông cũng như nhiều DTTS khác và đó là trở ngại đối với phát triển kinh tế hộ gia đình, hội nhập xã hội của người phụ nữ (Nguyễn Công Thảo, 2025). Kết quả phỏng vấn sâu với một nữ chủ homestay ở bản Mường Lóng 1 cho thấy, người chồng không cho vợ nhận đoàn khách du lịch chỉ toàn nam giới khi chồng không có nhà là một ví dụ. Điều đáng nói là người chồng này thường đi làm thuê ở các xã trong huyện nên việc xa nhà rất hay xảy ra. Chính vì thế, homestay của họ chỉ có thể hoạt động khi người chồng ở nhà. Nếu thấu hiểu được tâm lý này, chính quyền xã đã có những tập huấn về một số chủ đề cần thiết như: bình đẳng giới, niềm tin trong hôn nhân.

Thêm vào đó, quá trình đầu tư phát triển DLCĐ ở hai xã Mỹ Lý và Mường Lóng không tính đến yếu tố nguồn nhân lực. Hoạt động du lịch nói chung, DLCĐ nói riêng cần đến lực lượng thanh niên bởi lẽ họ có đủ sức khỏe, sự nhanh nhạy, tri thức, công cụ để giao tiếp, tương tác, phát triển mối quan hệ với khách du lịch (Nguyễn Công Thảo, 2022). Trong khi đó, tình trạng di cư lao động tự do diễn ra phổ biến ở hai xã, giống như tại nhiều xã vùng biên khác ở nước ta (Hà Việt Hùng, 2018). Số liệu do Ủy ban nhân dân hai xã cung cấp cho thấy trong năm 2024, số người thường xuyên đi làm ăn ngoại tỉnh có xu thế tăng ở nhóm thanh niên và trung niên. Tính đến thời điểm tháng 5/2025, có 1.088 người di cư lao động ở xã Mường Lóng. Đáng lưu ý tình trạng này rất phổ biến tại hai bản ưu tiên phát triển DLCĐ là Mường Lóng 1 (198 người) và Mường Lóng 2 (112 người). Điều này dẫn đến việc thiếu người có đủ sức khỏe, khả năng học ngoại ngữ để dẫn du khách đi leo núi, thăm hang động, bơi thuyền. Từ trải nghiệm của tác giả, lực lượng chính vận hành dịch vụ homestay (ăn, ở, thưởng thức văn nghệ) là nhóm trung niên trở lên. Họ ít có tương tác với khách du lịch do rào cản ngôn ngữ. Một nữ chủ homestay ở xã Mỹ Lý thậm chí còn nói rất ít tiếng Việt.

3.3. Chưa xây dựng được sản phẩm du lịch chiến lược

Việc lựa chọn sản phẩm du lịch chiến lược cần cân nhắc tính khả thi, hiệu quả (Nguyễn Thị Lan Hương, 2016). Nếu lựa chọn ẩm thực hay trang phục cần có đủ không gian, nguồn lực để trồng, nuôi các cây, giống bản địa (Vũ Tuấn Anh, Phạm Bích Ngọc, 2022). Tương tự như thế, nếu du lịch mạo hiểm được coi là sản phẩm mũi nhọn thì việc đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên người địa phương thông thạo địa hình, có sức khỏe và đội cứu hộ khẩn cấp là hết sức quan trọng. Nếu lựa chọn du lịch văn hóa, du lịch tâm linh thì cũng cần có hướng dẫn viên am hiểu về lịch sử, văn hóa tộc người. Sẽ không hiệu quả và bền vững nếu một điểm DLCĐ lựa chọn đầu tư sản phẩm du lịch không phải là thế mạnh của mình. Lựa chọn đó có thể khiến du khách thay vì được trải nghiệm bản sắc địa phương lại phải chứng kiến sự lai tạo, trùng lặp, dẫn đến cảm giác nhàm chán. Rõ ràng người cao tuổi, trẻ em, những người ưa hình thức du

lịch tiện nghi, sang trọng sẽ không lựa chọn vùng DTTS ở Nghệ An nói chung, hai xã trên nói riêng làm điểm ưu tiên đi du lịch. Khoảng cách địa lý xa, điều kiện giao thông khó khăn, điều kiện nghỉ dưỡng không đầy đủ, thiếu nơi vui chơi giải trí là những nguyên nhân quan trọng. Chính vì thế, nhóm khách du lịch chính bao gồm những người ưa mạo hiểm, thích khám phá, không đặt nặng chất lượng dịch vụ, điều kiện vật chất. Nhận thức này sẽ giúp việc xác định sản phẩm du lịch đúng, phù hợp với nhu cầu của du khách.

Đáng tiếc, đây là thực tế mà tác giả cảm nhận ở cả hai điểm khảo sát. Tính đến tháng 5/2025, ba sản phẩm du lịch chủ yếu hiện nay của người Thái và người Hmông ở hai xã mới chỉ là ẩm thực, văn nghệ và trải nghiệm ngủ trên nhà sàn. Những sản phẩm này có thể tìm thấy ở bất kỳ điểm du lịch nào khác bởi hoạt động DLCĐ được người Thái, Hmông phát triển ở nhiều địa phương. Nếu chỉ dựa vào ba sản phẩm du lịch trên, các điểm DLCĐ của Mỹ Lý và Mường Lống khó có thể cạnh tranh được. Trong khi đó, các thế mạnh được nhắc đến của hai xã chưa được tận dụng để trở thành sản phẩm du lịch cạnh tranh với các địa phương khác. Bản Yên Hòa nằm ven sông Nậm Nơ, một số hộ dân trong bản đã có xưởng máy, có chứng chỉ lái xưởng nhưng dịch vụ chở khách du ngoạn trên sông ngắm cảnh vẫn chưa được đầu tư, quảng bá để trở thành sản phẩm du lịch. Thêm vào đó, người Thái ở đây có nghề dệt thổ cẩm lâu đời. Hợp tác xã dệt của bản (với 60 thành viên) đang nhận được nhiều đơn hàng từ các thương nhân bên Lào và cung không đủ cầu (thu mua để xuất khẩu sang thị trường Mỹ). Tuy nhiên, tổng diện tích trồng dâu để nuôi tằm của toàn bản chỉ xấp xỉ 1ha. Chính quyền xã chưa có chính sách hỗ trợ chuyển đổi cây trồng, phát triển nghề dệt truyền thống, tạo ra các sản phẩm phục vụ khách du lịch. Tương tự như thế, lợi thế về nền nhiệt mát mẻ, mây phủ dày buổi sáng, nhiều cảnh quan tự nhiên cho du lịch sinh thái ở Mường Lống cũng chưa được phát huy thành sản phẩm du lịch thế mạnh của địa phương. Dệt lanh là bản sắc đặc trưng của người Hmông. Tuy nhiên ở hai bản Mường Lống 1 và 2, chỉ có ba hộ hiện còn dệt nhưng sử dụng sợi, chỉ công nghiệp. Nguyên nhân chính là diện tích đất vốn trồng lanh, bông trước đây đã được quy hoạch thành đất rừng phòng hộ.

3.4. Thiếu sự tham gia tích cực của cộng đồng

Hoạt động DLCĐ khác với các hoạt động du lịch khác ở chỗ mọi thành viên trong cộng đồng ấy cùng phải tham gia, đóng góp dù ở mức độ khác nhau. Điều đó có nghĩa thành phần tham gia vào hoạt động DLCĐ không chỉ bao gồm các chủ nhà nghỉ cộng đồng; kinh doanh ăn uống hay bán hàng mà còn bao gồm mọi người dân trong bản. Các nhóm tham gia chính vào hoạt động DLCĐ bao gồm: cộng đồng địa phương, chính quyền, doanh nghiệp, truyền thông và khách du lịch. Mỗi nhóm này đều có quyền lợi và trách nhiệm nhất định và việc kết nối quyền lợi, trách nhiệm giữa các nhóm đóng vai trò quyết định đến sự thành công (Nguyễn Công Thảo, 2022).

Tuy nhiên, hoạt động DLCĐ tại hai xã khảo sát mới chỉ có sự tham gia bước đầu của chính quyền địa phương, một số hộ làm homestay mà thiếu vắng sự tham gia tích cực của cộng đồng lớn hơn. Tại bản Yên Hòa, dù có sự liên kết giữa chủ homestay với các nhóm

âm thực, văn nghệ trong phục vụ khách du lịch nhưng sự hợp tác này chỉ giới hạn ở phạm vi nhỏ, mang tính chất giao ước. Trong khi đó, doanh nghiệp du lịch và truyền thông hầu như chưa tham dự do tính sơ khởi của mô hình hoạt động này tại địa phương. Đây chính là nguyên nhân quan trọng dẫn đến các hạn chế đã trình bày ở các mục trên. Trong khi các chủ homestay ở hai xã chưa thiết lập được mối liên kết, hợp tác với các điểm du lịch khác ở tỉnh Nghệ An nói riêng, cả nước nói chung, họ cũng ít nhận được sự hỗ trợ từ cộng đồng tại chỗ. Kết quả khảo sát thậm chí còn cho thấy một bộ phận người dân vẫn chưa nhận thức được hiệu quả kinh tế trong tương lai mà hoạt động DLCĐ có thể gián tiếp đem lại cho họ. Chính vì thế, họ cảm thấy phiền toái và không ủng hộ các hộ homestay khi đón tiếp nhiều khách, do tiếng ồn mà khách du lịch đem lại. Điều đó dẫn đến ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường chưa được quan tâm đầy đủ và thực tế này đã xảy ra ở một số vùng DTTS khác (Nguyễn Công Thảo, 2019).

Về mặt chủ quan, các chủ homestay ở hai xã cũng chưa chủ động hợp tác với một số nhóm trong cộng đồng có đủ năng lực để hỗ trợ hoạt động DLCĐ. Những nghệ nhân, người am hiểu văn hóa tộc người chưa được mời tham gia tập huấn, nghe kể những câu chuyện cổ về lịch sử tộc người, bài hát truyền thống, ý nghĩa các hoa văn dệt. Kết quả nghiên cứu tại bản Yên Hòa cho thấy dù trong bản còn nhiều người già am hiểu các bài hát truyền thống của người Thái nhưng các thành viên tổ văn nghệ chưa chủ động xin học. Điều đó khiến tiết mục biểu diễn của họ thiên về nhạc đương đại, hát bằng tiếng Việt. Bên cạnh đó, các thành viên của hợp tác xã dệt trong bản chủ yếu dệt theo mẫu đơn đặt hàng từ bên ngoài mà chưa biết phát huy các hoa văn, kỹ thuật dệt truyền thống vốn vẫn được nhiều người cao tuổi trong bản nắm vững. Điều đó khiến sản phẩm của họ không phản ánh được đặc trưng văn hóa tộc người, không thu hút được khách du lịch xem, mua làm quà lưu niệm. Tại xã Mường Lống có một Youtuber người Hmông⁵ hoạt động tự do với việc quay và công bố các đoạn phim ngắn giới thiệu về cảnh quan của địa phương. Tuy nhiên, các chủ homestay chưa biết hợp tác để quay giới thiệu về dịch vụ du lịch của mình hay quay phim phục vụ khách du lịch. Trên toàn xã Mường Lống, hiện có 10 thợ rèn có kinh nghiệm nhưng chủ yếu phục vụ nhu cầu của gia đình. Các lò rèn của họ chưa được giới thiệu, thiết kế là một điểm thăm quan cho khách du lịch.

Nhìn chung, hoạt động DLCĐ tại hai xã Mỹ Lý và Mường Lống chủ yếu gắn với các homestay. Cách nhìn này thể hiện rõ qua các thảo luận với cán bộ huyện, xã cũng như cấp bản. Hầu hết người dân trong xã chưa ý thức rõ về lợi ích của hoạt động này với cộng đồng ngoại trừ một số ít người được thuê nấu ăn, biểu diễn văn nghệ. Họ vẫn nhìn nhận nó như một hoạt động kinh tế hộ gia đình và không có mối liên hệ với nhau thành mạng lưới. Chính vì thế, hoạt động này chưa tạo ra một chuỗi giá trị mà ở đó các hộ gia đình đều tham gia vào cung ứng dịch vụ du lịch, dù ở mức độ khác nhau, chưa tạo dựng được ý thức trách nhiệm trong việc tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương, để từ đó chia sẻ hài hòa lợi ích mà hoạt động DLCĐ đem lại.

⁵ Tài khoản YouTube này có hàng trăm nghìn người đăng ký, được bật chế độ kiếm tiền với trung bình khoảng bảy triệu đồng/tháng.

Kết luận

Thực tế đã chứng minh cần nhiều thời gian để biến DLCĐ trở thành một hoạt động kinh tế hiệu quả. Phải mất nhiều thập kỷ thì Sa Pa, Mai Châu hay Mộc Châu mới được biết đến rộng rãi trong và ngoài nước. Chỉ trong một thời gian không dài, hoạt động DLCĐ ở vùng DTTS huyện Kỳ Sơn nói chung, hai xã Mỹ Lý và Mường Lống nói riêng đã đạt được những kết quả đáng kể. Sự đầu tư của Nhà nước vào cơ sở hạ tầng và tính chủ động, tiên phong của một số hộ người DTTS đóng vai trò rất quan trọng. Những thảo luận trong bài viết này không nhằm phủ nhận thành tựu bước đầu của hoạt động DLCĐ nơi đây, trái lại các vấn đề được phân tích trên đây cần được nhìn nhận là những bài toán, thách thức cần phải vượt qua trong thời gian tới. Yếu tố con người, bản sắc văn hóa, sự tham gia của cộng đồng luôn đóng vai trò then chốt trong DLCĐ, đặc biệt ở vùng DTTS nước ta./.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Tuấn Anh, Phạm Bích Ngọc (2022), *Du lịch cộng đồng: Từ ý tưởng đến thực tiễn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Ashley, C. (2006), *How can governments boost the local economic impacts of tourism?*, The Hague: for SNV East and Southern Africa.
3. Giampiccoli, A. & Saayman, M. (2017), “Community-based tourism, responsible tourism, and infrastructure development and poverty”, *African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure*, Vol. 6, tr. 1-28.
4. Nguyễn Thị Lan Hương (2016), *Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển du lịch cộng đồng ở một số địa phương tại Việt Nam*, ITDR, <https://itdr.org.vn/tin-tuc-chung/xay-dung-mo-hinh-du-lich-cong-dong-trong-phat-trien-cua-dia-phuong-va-kinh-nghiem-phat-trien-du-lich-cong-dong-o-mot-so-dia-phuong>, ngày đăng tải 11/8/2016, ngày truy cập 8/7/2025.
5. Phạm Hồng Long, Nguyễn Thị Thanh Kieu (2019), “Community-Based Tourism: A Way of Creating and Enhancing the Livelihood of Local People”, *VNU Journal of Science: Policy and Management Studies*, Vol. 35, No. 2, pp. 63-73.
6. Trần Thị Mai (2005), *Du lịch cộng đồng - du lịch sinh thái: Định nghĩa, đặc trưng và quan điểm phát triển*, Trường Trung cấp nghiệp vụ du lịch Huế.
7. Nguyễn Văn Tân (2023), *Phát triển du lịch cộng đồng*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
8. Nguyễn Công Thảo (2019), “Một mô hình, nhiều con đường: bài học từ hoạt động du lịch cộng đồng ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, tr. 24-33.
9. Nguyễn Công Thảo (2022), *Du lịch cộng đồng vùng dân tộc thiểu số: một đích đến, nhiều con đường*. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Nguyễn Công Thảo (2025), “Phát triển không thể từ một nửa: chuẩn mực xã hội hay gánh nặng với phụ nữ người dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 15-27.

11. Trần Thị Thủy, Bùi Minh Thuận (2015), “Khai thác các giá trị văn hóa Thái nhằm phát triển du lịch cộng đồng ở miền Tây Nghệ An”, in trong: *Cộng đồng Thái-Kadai Việt Nam: Những vấn đề phát triển bền vững* (Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia Thái học Việt Nam lần thứ VII), Nxb. Thế giới, Hà Nội.

12. Phạm Thị Cẩm Vân (2023), “Thực trạng du lịch cộng đồng tại một số làng nghề ở xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, tr. 90 -100.

Abstract

CHALLENGES IN DEVELOPING COMMUNITY-BASED TOURISM IN NGHE AN PROVINCE’S ETHNIC MINORITY AREAS

Nguyen Cong Thao

Institute of Anthropology and Religious Studies

Community-based tourism is an effective strategy for poverty reduction, economic development, cultural preservation, and environmental protection, holding particular significance in Vietnam’s ethnic minority regions. However, several challenges must be addressed to maximize the effectiveness of this economic activity. From this perspective, this article analyzes and evaluates community-based tourism of the Tai and Hmong ethnic groups in two ethnic minority communes in Nghe An province. The findings suggest that community-based tourism can only be effective with specific investment and development plans tailored to local tourism resources, and economic, cultural, and social conditions. Additionally, each tourism destination should leverage its cultural identity to create suitable tourism products and encourage active community participation.

Keywords: Community-based tourism, cultural tourism, ethnic minorities, Nghe An province.